

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **96/2024/HS-ST**
Ngày 20/6/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Nga;
Ông Huỳnh Bình.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 85/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh G**, sinh ngày 14/9/1997; tên gọi khác: Tịch; nơi sinh tỉnh Đồng Nai; nơi cư trú: **Tổ A, ấp D, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai**; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1959 và bà **Trần Thị L**, sinh năm 1962; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ sáu và chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đầu thú và bị tạm giữ ngày 01/3/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện V**; bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Ông **Trần Thanh A**, sinh ngày 26/12/1984; nơi cư trú: **Tổ E, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai**. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 28/12/1983; nơi cư trú: **Tổ E, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai**. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Ông **Đậu Đồng Đình N**, sinh ngày 14/8/2002; nơi cư trú: **Tổ C, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai**. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh G và ông Trần Thanh A, sinh năm 1984, ngụ tại ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai là bạn bè với nhau. Khoảng 11 giờ ngày 04/02/2024, G trên đường đi chơi về ghé nhà ông A để nhờ chở về phòng trọ của G tại ấp A, xã V, huyện V. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, A sử dụng xe mô tô hiệu SYM Galaxy màu đen trắng xanh, biển số 60AL-036.81 chở G về phòng trọ nói trên. Khi tới nơi, G mượn xe mô tô của A nói để đi về nhà tại ấp D, xã V. Ông A đồng ý và giao xe mô tô hiệu SYM Galaxy biển số 60AL-036.81 cho G mượn, A ở lại phòng trọ chờ G quay lại trả xe. G điều khiển xe về nhà tại ấp D, xã V, huyện V nhưng không có ai ở nhà, rồi G nảy sinh ý định cầm cố xe mô tô biển số 60AL-036.81 của ông A để lấy tiền trả nợ, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân. Giàu điều khiển xe mô tô biển số 60AL-036.81 đến tiệm C, tại ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai gặp ông Đậu Đồng Đình N, sinh năm 2002, là chủ tiệm cầm đồ để cầm cố xe. Ông N không biết xe Giàu phạm tội mà có nên đồng ý và làm thủ tục cầm xe với giá 4.000.000 đồng. Sau đó, G quay về phòng trọ gặp A và nói dối là xe bị hư đang sửa.

Ngày 06/02/2024, ông A liên hệ gặp G để lấy lại xe thì G nói là đã đi cầm và hứa đến ngày 09/02/2024, chuộc và trả xe cho A. Ngày 09/02/2024, ông A tiếp tục đến gặp G để yêu cầu trả xe nhưng vẫn không lấy được xe. Ngày 01/3/2024, ông Trần Thanh A đến Công an xã V, huyện V trình báo và tố giác sự việc G chiếm đoạt xe. Số tiền từ việc cầm xe, G đã trả nợ, mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân.

Ngày 01/3/2024, Nguyễn Minh G đến Công an xã V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội. Công an xã V tiếp nhận nguồn tin lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V để giải quyết theo quy định pháp luật.

Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng gồm: Thu giữ 01 xe mô tô hiệu SYM Galaxy biển số 60AL-036.81, số khung 05AMLD111581, số máy MVBUD111581. Kết quả xác minh xác định xe mô tô biển số 60AL-036.81 hiệu SYM là tài sản của vợ chồng ông Trần Thanh A và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983, ngụ tại tổ E, ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã giao trả xe mô tô biển số 60AL-036.81 hiệu SYM cho bà H, ông A.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 10/KL-ĐGTS ngày 25/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: Xe máy biển số 60AL-036.81 hiệu SYM, màu sơn đen trắng xanh, trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Về bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Trần Thanh A và vợ là bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Đồng Đình N không yêu cầu Nguyễn Minh G phải hoàn trả số tiền cầm xe mô tô.

Bản Cáo trạng số: 93/CT-VKSVC ngày 20/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Nguyễn Minh G về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu trình bày

luyện tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Minh G** từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù; về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo không phát biểu tranh luận và không trình bày lời bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận; bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an huyện V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân **huyện V**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Minh G** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận: Ngày 04/02/2024, tại **ấp A, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai**, **Nguyễn Minh G** mượn xe mô tô hiệu SYM, màu sơn đen trắng xanh, biển số 60AL-036.81 của ông **Trần Thanh A** nói đi công việc riêng. Sau khi nhận được xe, **G** đã chiếm đoạt thông qua hành vi cầm cố xe mô tô biển số 60AL-036.81 để lấy số tiền 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 10/KL-ĐGTS ngày 25/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện V** kết luận: Xe máy biển số 60AL-036.81 hiệu SYM màu sơn đen trắng xanh, trị giá 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Bị cáo và bị hại đồng ý với kết luận định giá tài sản nêu trên và không có ý kiến gì thêm.

Đối chiếu lời khai của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu mà Cơ quan điều tra đã thu thập, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo **Nguyễn Minh G** đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự xã hội tại địa phương; sau khi mượn được tài sản là xe mô tô của ông **A**, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản bằng cách mang xe đi cầm cố lấy số tiền 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân mà không chuộc xe trả lại cho ông **A** như đã cam kết. Do vậy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng để bị cáo lấy đó làm bài học cho mình mà tuân theo pháp luật và các quy

tắc của cuộc sống, sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời cũng để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú khai nhận hành vi phạm tội; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho bị hại; đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ nêu trên để quyết định hình phạt cho bị cáo mà vẫn đạt được yêu cầu của việc phòng và chống tội phạm.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Do bị cáo không có nghề nghiệp, việc làm thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô 01 xe máy hiệu SYM Galaxy biển số 60AL-036.81, số khung 05AMLD111581, số máy MVBUD111581 thu giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã giao trả xe cho chủ sở hữu bà Nguyễn Thị H và ông Trần Thanh A là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại ông Trần Thanh A và vợ là Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đậu Đồng Đình N không yêu cầu Nguyễn Minh G phải hoàn trả số tiền cầm xe mô tô, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Đối với việc G khai nhận sử dụng một phần tiền cầm xe để mua ma túy sử dụng, đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Điều 45, Điều 135, Điều 136, Điều 327, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh G phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh G 08 (tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày

01/3/2024.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại ông **Trần Thanh A** và vợ là **Nguyễn Thị H** đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường dân sự gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đậu Đồng Đình N** không yêu cầu hoàn trả số tiền cầm xe mô tô, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Vĩnh Cửu;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đường Anh Sơn